

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1051/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27-10-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Minh Chánh

2. Bà Nguyễn Thị Vạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hậu – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 594/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 292/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 245/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn H, sinh năm: 1966

Địa chỉ: Số 5H38/7 ấp O, xã P, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm: 1967

Địa chỉ: Số 5H38/7 ấp O, xã P, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2020 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Võ Văn H trình bày:

Ông Võ Văn H và bà Lê Thị N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1986, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V,

tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 75/2009 cấp ngày 25/11/2009. Trong thời gian chung sống, ông H và bà N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp; dẫn đến vợ chồng thường hay cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Cả hai đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay ông H nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn H yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị N.

Về con chung: Ông H và bà N có 02 con chung tên Võ Thị Kim N1, sinh ngày 18/8/1990 và Võ Tóc T, sinh ngày 25/9/1992. Đã thành niên.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông H xác nhận không có.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 30/6/2020 và trong quá trình giải quyết, bị đơn bà Lê Thị N trình bày:

Bà N và ông Võ Văn H tự quen biết nhau và chung sống với nhau từ năm 1987, có tổ chức đám cưới và đến năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 75/2009 cấp ngày 25/11/2009. Trong thời gian chung sống, bà N nhận thấy cuộc sống vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn gì trầm trọng, vợ chồng đôi khi chỉ hay gây gổ nhưng không có gì lớn. Bà N vẫn còn thương chồng, mong muốn ông H trở về để hàn gắn gia đình. Bà N không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án và về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Võ Văn H yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị N; bị đơn hiện cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản

1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn bà Lê Thị N vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 75/2009 ngày 25/11/2009 (theo Trích lục kết hôn số 251/TLKH-BS ngày 05/6/2020) do Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An cấp có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Võ Văn H và bà Lê Thị N là hôn nhân hợp pháp được qui định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét quá trình giải quyết vụ án, ông H xác nhận đời sống chung có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống; tính tình không hòa hợp. Cả hai không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay và không còn quan tâm, chăm sóc và liên hệ với nhau.

Về phía bà N xác nhận vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng. Bà N xác nhận vợ chồng đôi khi có gây gổ nhưng không có gì lớn. Bà N nhận thấy vẫn còn tình cảm với ông H, vẫn còn thương chồng thương con, mong muốn gia đình được hàn gắn. Tuy nhiên, tại phiên tòa xét xử bà N vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ cả hai không có thiện chí đoàn tụ và cho thấy tình trạng hôn nhân của ông H và bà N đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà N cũng chỉ là ràng buộc về mặt pháp lý, không mang lại hạnh phúc đích thực cho nhau nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của ông H là có căn cứ chấp nhận, hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Ông H và bà N có 02 con chung tên Võ Thị Kim N1, sinh ngày 18/8/1990 và Võ Tóc T, sinh ngày 25/9/1992; cả hai đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.4] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn ông Võ Văn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 8; Điều 9; Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Võ Văn H đối với bà Lê Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn H được ly hôn với bà Lê Thị N (Giấy chứng nhận kết hôn số 75/2009 ngày 25/11/2009 (theo Trích lục kết hôn số 251/TLKH-BS ngày 05/6/2020) do Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An cấp không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Đã thành niên nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Ông Võ Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0079494 ngày 15/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

II. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- UBND TT. V, H. V, tỉnh Long An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khương